

Số: 32/2023/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 19 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 853/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1988; địa chỉ: Đường T, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Anh Nguyễn T, sinh năm 1978; địa chỉ: Đường T, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung:* Chị L và anh T thoả thuận giao 03 con chung là Nguyễn Trần Bảo K, sinh ngày 20/4/2016, Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 01/7/2018, Nguyễn Trần Thảo N, sinh ngày 25/11/2019 cho chị Trần Thị L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi. Anh T không cấp dưỡng nuôi con cho chị L.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.2. *Về tài sản chung*: Chị L và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. *Về nợ chung*: Chị L và anh T xác nhận không có nợ chung.

2.4. *Về án phí*: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn T thỏa thuận: Chị Trần Thị L phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2021/0005264 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H; Trả lại cho chị L 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP Huế;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường Đông Ba (Phú Hoà cũ)
(ĐKKH số 15 ngày 09/4/2015
- Lưu dán;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hằng